

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 02 - 2023

V/v tranh chấp “hôn nhân  
và gia đình, Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Quách Tố Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;
2. Bà Lê Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa.**

Ngày 09 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-HN ngày 28-12-2022 Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HN ngày 19 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1995, nơi cư trú: số 135, tổ 4, ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Le Ngoc L, sinh năm 1983, nơi cư trú: 11605 App 506 Rue St Evariste Montreal, Quebec, H4J2N6 Canada, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H trình bày:* Bà H và ông Le Ngoc L tự tìm hiểu, sống chung với nhau năm 2017, không tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 19/01/2022. Trong quá trình chung sống trước khi kết hôn thì ông Le Ngoc L thường xuyên đi về giữa Việt Nam và Canada sống chung với bà H. Hôn nhân hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, tôi đã cố gắng hàn gắn, níu kéo tình cảm để tiếp tục sống chung nhưng sau khi kết hôn, ông Le Ngoc L không chăm lo gia đình, không phụ giúp kinh tế để nuôi con, thường xuyên gây nợ bà H phải gánh vác, từ đó hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng bế tắc. Nhận

thấy đời sống hôn nhân không đạt được, không thể cứu vãn hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn. Bà H yêu cầu ly hôn với ông Le Ngoc L.

Về con chung tên Lê Bảo Ngọc sinh ngày 26/3/2020, hiện hiện do bà H nuôi dưỡng. Bà H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Ông Le Ngoc L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án vào ngày 03/11/2022 qua đường bưu chính, nhưng đến nay ông Le Ngoc L vẫn không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tòa án không tiến hành được phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự do bà H xin vắng mặt và ông Le Ngoc L vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Le Ngoc L có nơi cư trú tại Canada, nguyên đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh An Giang. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Le Ngoc L đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án vào ngày 03/11/2022 qua đường bưu chính (tem định vị) nhưng đến nay ông Le Ngoc L vẫn không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gửi về cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Ngọc H và ông Le Ngoc L tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống trước và sau khi kết hôn, ông Le Ngoc L đi về giữa Việt Nam và Canada. Theo lời trình bày của nguyên đơn, mâu thuẫn phát sinh do ông L không chăm lo gia đình, không phụ giúp kinh tế để nuôi con, thường xuyên gây nợ bà H phải gánh vác. Về phía bị đơn ông Le Ngoc L không gửi ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của với bà H cho Tòa án. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung đã không còn trên thực tế, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của nguyên đơn về việc ly hôn bị đơn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về con chung, cháu Lê Bảo Ngọc sinh ngày 26/3/2020, hiện do bà H nuôi dưỡng. Bà H xin được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, phía bị đơn không có ý kiến. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung của bà H là phù hợp nên được chấp nhận. Ông Le Ngoc L có quyền thăm con chung; Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Bà H không yêu cầu ông Le Ngoc L cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đến.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng: Không có.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 273; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc H được ly hôn với ông Le Ngoc L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Bà Trần Thị Ngọc H được tiếp tục nuôi dạy cháu Lê Bảo Ngọc sinh ngày 26/3/2020. Ông Le Ngoc L được quyền thăm con chung.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000022 ngày 27/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Trần Thị Ngọc H đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc H là 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Thời hạn kháng cáo của ông Le Ngọc L là 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại TP HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THA dân sự tỉnh An Giang;
- Ủy ban nhân huyện C;
- Phòng KTNV và THA;
- Tòa GD và NCTN;
- Đường sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỎ**

**Quách Tố Giang**